

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY ĐÔ
KHOA NGỮ VĂN



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH VIỆT NAM HỌC

(Kèm theo Quyết định 494/QĐ-ĐHTĐ ngày 19 tháng 07 năm 2018)

NĂM 2018

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo Đại học Việt Nam học được điều chỉnh năm 2018 theo Quyết định của Nhà trường nhưng vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức tối thiểu, tương đối các yêu cầu về năng lực mà người học cần đạt được sau khi tốt nghiệp theo thông tin tư vấn số 07/2015/TT- Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 16 tháng 4 năm 2015. Năm 2018, Khoa/ Bộ môn điều chỉnh chi tiết và chuẩn đầu ra theo Công văn số 1982/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm nâng cao chất lượng trường đại học, đào tạo. Chương trình đào tạo đại học ngành Việt nam học kế thừa các chương trình đào tạo trước đây và được bổ sung, sắp xếp hợp lý, phát triển nhằm đáp ứng yêu cầu mới của giáo dục đại học, người học và người có liên quan. Sinh viên tham gia chương trình đào tạo ngành Việt Nam học theo phương thức đào tạo kiến thức, kỹ năng và thái độ để trở thành cử nhân kinh tế có tư tưởng chính trị vững, kiến thức chuyên ngành có thể chịu trách nhiệm làm việc trong lĩnh vực du lịch và văn hóa.

1.2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

1. Tên chương trình tiếng Việt: **Chương trình đào tạo Việt Nam học**
2. Tên chương trình tiếng Anh: **Vietnamese Studies**
3. Trình độ đào tạo: Đại học
4. Ngành đào tạo tiếng Việt: **Việt Nam học**
5. Ngành đào tạo tiếng Anh: **Vietnamese Studies**
6. Mã ngành: 7310630
7. Thời gian đào tạo: 4 năm
8. Loại hình đào tạo: Chính quy, tập trung
9. Số tín chỉ: 150
10. Văn bằng tốt nghiệp: Cử nhân/Đại học
11. Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Trường Đại Học Tây Đô

Sứ mạng

Sứ mạng của Trường Đại học Tây Đô là đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, có khả năng ứng dụng khoa học đa lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thông qua việc truyền tải tri thức bằng các phương thức linh hoạt nhất cho người học.

Tầm nhìn

Trường Đại học Tây Đô phấn đấu đến năm 2025 trở thành trường đại học tư thục đa ngành hàng đầu ở Khu vực ĐBSCL với định hướng nghiên cứu ứng dụng phục vụ cộng

đồng. Phân đầu đến năm 2035, một số ngành đào tạo hệ đại học chính quy của Trường sẽ phát triển ngang tầm Khu vực Đông Nam Á.

Mục tiêu phát triển đến năm 2035

Mục tiêu chiến lược đến năm 2035 là xây dựng và phát triển Trường Đại học Tây Đô thành một cơ sở đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học và sau đại học định hướng nghiên cứu ứng dụng có uy tín, chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững về các lĩnh vực: Kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, sức khỏe vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.

Các giá trị: Trí tuệ - Sáng tạo - Năng động - Đổi mới

Triết lý giáo dục

- Học suốt đời để làm việc suốt đời

- Thực học - Thực nghiệp.

2.2. Sứ mạng – Tầm nhìn – Mục tiêu phát triển của Khoa/Bộ môn

Sứ mệnh

Cung cấp cho xã hội nguồn nhân lực chất lượng cao theo định hướng nghiên cứu đáp ứng nhu cầu phát triển có chất lượng, hiệu quả và ổn định; Nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu cho các tổ chức, doanh nghiệp và xã hội; Tạo môi trường thuận lợi để đào tạo, nuôi dưỡng và phát triển nhân tài trong lĩnh vực kinh doanh du lịch hiện đại.

Tầm nhìn

Trở thành Khoa dựa trên nghiên cứu ứng dụng xếp hạng tầm nhìn ngang hàng với Khoa Xã hội nhân văn tiên tiến trong khu vực và cả nước, trong đó có ít nhất 2 ngành đào tạo sẽ được kiểm định do các tổ chức chất lượng giáo dục đại học cấp trường và cấp khu vực.

Mục tiêu

Mục tiêu đào tạo: Tạo cho sinh viên có đủ sức khỏe; đã được cải tiến vàng Chuyên nghiệp; có kiến thức về giá trị xã hội chính, luật pháp và thông tin công nghệ; có kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, điều hành và giám sát hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh tại các tổ chức, doanh nghiệp trong môi trường luôn thay đổi.

Mục tiêu phát triển đến năm 2023: Mở rộng ngành nghề đào tạo ở cả bậc đại học và sau đại học.

Tăng quy mô đào tạo so với hiện tại 20%

Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

Thao tác mạnh mẽ nâng cấp nghiên cứu khoa học của viên và sinh viên.

Nâng cao về số lượng và chất lượng.

Thực hiện kiểm định 1 CTĐT bậc đại học.

2.3. Mục tiêu của chương trình

2.3.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học được xây dựng nhằm đào tạo cử nhân ngành Việt Nam học có phẩm chất chính trị tư tưởng vững vàng, có kỉ luật, đạo đức nghề nghiệp, có sức khoẻ, nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn, kiến thức tương đối toàn diện và hệ thống về Việt Nam học. Cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản, hiện đại và thiết thực về Việt Nam học giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng đi sâu nghiên cứu và giảng dạy về Việt Nam học; hoặc trở thành hướng dẫn viên cho ngành văn hóa - du lịch; hoặc làm việc trong các cơ quan ngoại giao, báo chí, xuất bản, văn phòng thương mại; hoặc làm việc tại các công ty tổ chức sự kiện, truyền thông,... góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho ngành du lịch, văn hóa của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước trong thời kỳ hội nhập quốc tế.

2.3.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

G1. Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh; Có các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

G2. Có kiến thức cơ bản của Việt Nam học theo các nhóm về văn hóa (cơ sở văn hóa, quản lí văn hóa, phong tục tập quán lễ hội, di tích thắng cảnh, các loại hình nghệ thuật,...),

G3. Có kiến thức nền tảng của ngành du lịch và kiến thức về: tổng quan du lịch, địa lí du lịch, du lịch văn hóa, tuyến điểm du lịch, nghiệp vụ hướng dẫn du lịch,...

G4. Có kiến thức nền tảng về truyền thông và sự kiện (quan hệ công chúng, báo chí và truyền thông đại chúng, kỹ năng truyền thông sự kiện),...

- Kỹ năng

G5. Có khả năng tổ chức, hướng dẫn các chương trình du lịch trong và ngoài nước; Biết điều phối và phát triển các dịch vụ trong chương trình du lịch phù hợp với thực tế; hướng dẫn du khách thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các chính sách của địa phương trong quá trình đi du lịch.

G6. Có kỹ năng tổ chức các chương trình tổ chức sự kiện, kỹ năng truyền thông sự kiện,...

G7. Có kỹ năng thực hiện các nghiên cứu độc lập có tính thực tiễn trong nghiên cứu ngành Việt Nam học, tham gia nghiên cứu khoa học về ngành Việt Nam học ,...

- Mức tự chủ và tự chịu trách nhiệm

G8. Có phẩm chất chính trị, ý thức phát triển nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng, có sức khoẻ đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

G9. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

G10. Có đầy đủ các phẩm chất nghề nghiệp cần thiết như: tinh trung thực, sự tự tin, thái độ phục vụ nhiệt tình, thân thiện, tinh thần ham học hỏi, chí tiến thủ,... nhằm góp phần xây dựng lực lượng lao động mới có phẩm chất và năng lực tốt cho lĩnh vực du lịch, văn hóa Việt Nam.

2.3.3. Về vị trí làm việc sau tốt nghiệp

+ *Việc làm trong lĩnh vực du lịch*

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa và quốc tế.
- Thiết kế, tổ chức và điều hành các tour du lịch trong và ngoài nước
- Phụ trách tổ chức các sự kiện du lịch, lễ hội văn hóa
- Thuyết minh viên tại điểm

+ *Việc làm trong lĩnh vực văn hóa*

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Việt Nam học có thể làm việc trong các trung tâm nghiên cứu và đào tạo về văn hóa, du lịch; các cơ quan, tổ chức, đoàn thể xã hội về văn hoá, giáo dục như: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Phòng văn hóa thông tin,...

+ *Việc làm trong lĩnh vực truyền thông*

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Việt Nam học có thể làm việc tại các công ty trong lĩnh vực truyền thông, tổ chức sự kiện,...

2.3.4. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có nền tảng tốt để tiếp tục học lên bậc học cao hơn như Thạc sĩ, Tiến sĩ của Trường Đại học Tây Đô, các trường đại học trong nước và ngoài nước hoặc các chương trình liên kết được cấp phép của Bộ GD&ĐT của các Trường Đại học trong nước với một số trường ở nước ngoài để lấy bằng Thạc sĩ của các trường này;

Có năng lực làm việc tại các doanh nghiệp có quy mô lớn thuộc ngành nghề

- Có năng lực thăng tiến lên cấp quản trị cấp trung (trong vòng 3 -5 năm tích lũy kinh nghiệm làm việc);

- Có khả năng tự học để nâng cao trình độ.

3. CHUẨN ĐẦU RA (Program learning outcomes)

3.1. Kiến thức

3.1.1. Kiến thức chung

K1. Trang bị được những kiến thức cơ bản về pháp luật đại cương, tin học, môi trường và phát triển bền vững, xã hội học, ngoại ngữ.

K2. Phân tích và vận dụng được những kiến thức liên ngành như: Nhập môn khu vực học và Việt Nam học, văn hóa, địa lý, địa chính trị, lịch sử, Hán Nôm, Tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp, phương pháp nghiên cứu khoa học,... vào nghiên cứu

tổng hợp các kiến thức chuyên ngành Việt Nam học.

3.1.2. Kiến thức chuyên môn

K3. Phân tích và vận dụng những kiến thức về du lịch như: Tổng quan du lịch, địa lí du lịch, du lịch văn hóa, di sản với phát triển du lịch, tuyến điểm, nhà hàng khách sạn,...

K4. Vận dụng linh hoạt được những kiến thức chuyên sâu về văn hóa như: các loại hình nghệ thuật biểu diễn ở Việt Nam, di tích và thắng cảnh, tôn giáo, tín ngưỡng, lễ hội, các dân tộc, đặc điểm văn hóa ĐBSCL,....

K5. Vận dụng hiệu quả những kiến thức về truyền thông như: quan hệ công chúng, nghiệp vụ báo chí, báo chí và truyền thông, tổ chức sự kiện, nghiệp vụ văn phòng...

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng mềm

S6. Áp dụng hiệu quả các kỹ năng mềm (giao tiếp, làm việc nhóm, trình bày, thuyết trình, giải quyết vấn đề, xử lý tình huống, thích ứng với môi trường ...) vào công việc thực tế.

S7. Sử dụng tốt ngoại ngữ và tin học tương đương trình độ Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao.

3.2.2. Kỹ năng nghề nghiệp

S8. Kỹ năng nghiên cứu các kiến thức liên ngành: văn hoá, địa lý, du lịch, lịch sử, truyền thông.

S9. Kỹ năng vận dụng linh hoạt những kiến thức chuyên ngành du lịch, văn hóa và truyền thông vào các vị trí công việc chuyên môn cụ thể.

S10. Kỹ năng thiết kế, tổ chức và điều hành tour du lịch; kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch như: hướng dẫn du lịch, thuyết minh tại điểm; kỹ năng tổ chức truyền thông sự kiện,

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

C11. Có lập trường tư tưởng rõ ràng; yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có ý thức trách nhiệm công dân trong việc tham gia các hoạt động chính trị - xã hội.

C12. Có thái độ trung thực, khách quan trong học tập và nghiên cứu khoa học

C13. Có ý thức tổ chức kỷ luật và tinh thần trách nhiệm trong công tác; làm việc khoa học, biết đoàn kết, hợp tác và học hỏi kinh nghiệm của đồng nghiệp.

C14. Có đạo đức kinh doanh; hành xử chuyên nghiệp và trách nhiệm trong mọi hành vi ứng xử với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và cộng đồng.

C15. Không ngừng học tập nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tiếp tục theo học các chương trình đào tạo trình độ cao hơn.

Bảng 1: Ma trận tích hợp Mục tiêu và Chuẩn đầu ra của chương trình

Chuẩn đầu ra CTĐT	Mục tiêu đào tạo									
	G1	G2	G3	G4	G5	G6	G7	G8	G9	G10
K1	3	1	2	1	1	1	1	1	1	2
K2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2
K3	1	2	2	2	1	2	2	2	1	2
K4	1	2	3	4	3	4	4	3	3	2
K5	1	1	2	3	3	3	3	3	3	3
S6	1	2	3	4	4	4	3	3	3	3
S7	2	2	2	4	3	3	3	3	3	3
S8	1	2	2	3	3	3	3	3	3	3
S9	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
S10	1	3	2	2	2	2	2	2	2	2
C11	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2
C12	3	2	2	2	2	2	3	3	3	2
C13	2	2	3	3	2	3	3	3	2	4
C14	2	2	2	3	3	3	3	3	3	3
C15	2	2	2	2	2	2	3	3	3	3

4. ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ NGHIỆP, VỊ TRÍ VIỆC LÀM SAU KHI TỐT NGHIỆP

- Bắt đầu với các vị trí nhân viên, chuyên viên trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo như: Sale tour, thiết kế - điều hành tour, sau đó, có thể đảm đương được các vị trí quản lý cấp trung và phát triển lên cấp cao khi hội tụ đủ các điều kiện cần thiết về kinh nghiệm, bản lĩnh, khả năng trong các doanh nghiệp, các cơ quan quản lý và các tổ chức phi lợi nhuận trong lĩnh vực du lịch, văn hóa, tổ chức sự kiện.

- Làm việc trong môi trường áp lực cao, môi trường thay đổi thường xuyên và đa dạng các nhóm người trong công tác du lịch, văn hóa, tổ chức sự kiện.

- Có khả năng nghiên cứu, học tập tiếp ở bậc cao hơn.

5. THÔNG TIN TUYỂN SINH, QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Thông tin tuyển sinh:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh Đại học hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo của Trường Đại học Tây Đô. Công dân Việt Nam có đủ các điều kiện sau đây đều được đăng ký dự tuyển:

- Đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương.
- Có đủ sức khoẻ để học tập và lao động theo quy định hiện hành của Liên Bộ Y tế - Giáo dục và Đào tạo.
- Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

❖ **Phạm vi tuyển sinh:** Tuyển sinh trong cả nước.

❖ **Phương thức tuyển sinh:**

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT Quốc gia:**

Sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia để xét tuyển.

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào: Đã tốt nghiệp THPT và tổng điểm thi của 3 môn thi (theo thang điểm 10) thuộc nhóm môn xét tuyển phải lớn hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng do nhà trường quy định sau khi có kết quả thi THPT Quốc Gia.

▪ **Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở bậc THPT (xét học bạ).**

Có hai hình thức của phương thức xét học bạ:

- **Hình thức 1:** Xét dựa vào kết quả học tập của cả năm học lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{Điểm trung bình chung (ĐTBC)} + \text{Điểm ưu tiên (ĐƯTXT)}.$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

- **Hình thức 2:** Xét dựa vào kết quả học tập cả năm lớp 10, cả năm lớp 11, học kỳ I lớp 12 và kết quả tốt nghiệp THPT với các tiêu chí sau:

- + Tốt nghiệp THPT.
- + Điểm trung bình chung cả năm lớp 10, cả năm lớp 11 và học kỳ I lớp 12 của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển.
- + Cách tính điểm xét tuyển (ĐXT):

$$\text{ĐXT} = \text{ĐTBC} + \text{ĐƯTXT}$$

$$\text{ĐTBC} = (\text{ĐTB môn 1} + \text{ĐTB môn 2} + \text{ĐTB môn 3}) \div 3$$

$$\text{ĐTB Môn 1} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 1} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 1} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 1}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 2} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 2} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 2} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 2}) \div 3.$$

$$\text{ĐTB Môn 3} = (\text{ĐTB cả năm lớp 10 môn 3} + \text{ĐTB cả năm lớp 11 môn 3} + \text{ĐTB học kỳ I lớp 12 môn 3}) \div 3.$$

$$\text{ĐƯTXT} = (\text{điểm ưu tiên khu vực} + \text{điểm ưu tiên đối tượng}) \div 3.$$

(ĐTBC và ĐXT được làm tròn đến 1 chữ số thập phân)

Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào điểm trung bình chung của 03 môn thuộc nhóm các môn dùng để lấy kết quả xét tuyển đạt từ 6,0 điểm trở lên.

▪ **Tổ hợp xét tuyển:**

- + Khối A00 (Toán, Lý, Hóa)
- + Khối A01 (Toán, Lý, Anh)
- + Khối D01 (Toán, Văn, Anh)
- + Khối C04 (Toán, Văn, Địa lý)

5.2. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

5.4.1 Quy trình đào tạo

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

5.4.2 Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô) và Quyết định số 641/QĐ-ĐHTĐ ngày 1/9/2017 Quy định các kỹ năng chuẩn đầu ra cho sinh viên trường Đại học Tây Đô.

a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập, không đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.

c) Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên.

d) Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng – An ninh, Giáo dục thể chất.

e) Đạt kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin, kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường.

5.3. Cách thức đánh giá

Chương trình sử dụng thang điểm 10, quy đổi tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy định của Trường. Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo Quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

6. CHIẾN LƯỢC GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Chiến lược giảng dạy và học tập của Chương trình Việt Nam học tiếp cận dựa trên chuẩn đầu ra, ở cấp độ chương trình, từ chuẩn đầu ra mong đợi của chương trình đào tạo, thiết kế chuẩn đầu ra học phần. Dựa trên chuẩn đầu ra này xây dựng kế hoạch giảng dạy, tiến trình giảng dạy: đề cương học phần, phương pháp giảng dạy, phương pháp học tập và các công cụ đánh giá. Sau khi kết thúc học phần tiến hành đánh giá học phần và tiến đến đánh giá chương trình để tiến hành cải tiến chuẩn đầu ra chương trình.

6.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Giảng viên giảng dạy chương trình ngành Việt Nam học cần trang bị những kinh nghiệm dạy học khác nhau.

- Nắm rõ kiểu dạng lớp học mà mình đang giảng dạy (lớp học có lý thuyết hay thực hành; học phần bắt buộc, học phần tự chọn hay học phần thay thế tốt nghiệp).
- Nắm rõ kiểu dạy học (dạy học liên môn, dạy học trực tuyến hay dạy học tích hợp).
- Hiểu rõ sinh viên của mình (sinh viên năm nhất, năm hai, năm ba, năm tư hay năm cuối đại học).
- Hiểu rõ về chính sách trong học tập.

6.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

- Phương pháp thích nghi với người học, đặt trọng tâm ở người học;
- Thay đổi cách thức hoạt động dạy và học của GV và SV: Người học cần suy nghĩ nhiều hơn, làm nhiều hơn, thảo luận nhiều hơn, với trạng thái thoải mái, hứng thú hơn, trong mối quan hệ thân thiện dân chủ để thực hiện tốt mục tiêu đào tạo;
- Các phương pháp được sử dụng chủ yếu: giảng dạy trực tiếp, giảng dạy gián tiếp, học tập trải nghiệm, giảng dạy tương tác, và học tập độc lập.
- Danh sách chiến lược giảng dạy và phương pháp giảng dạy sử dụng trong chương trình đào tạo được mô tả như bảng sau:

Bảng 2. Chiến lược giảng dạy và học tập

Chiến lược giảng dạy	Mô tả	Phương pháp giảng dạy
Giảng dạy trực tiếp	Đa số các phần lý thuyết được dạy theo phương pháp thuyết trình, thuyết giảng, vấn đáp, đặt câu hỏi gợi ý, giao bài tập về nhà, kiểm tra khả năng tự học của sinh viên thông qua bài tập, thảo luận nhóm, Seminar	Thuyết giảng Bài học Câu hỏi gợi ý, chuẩn đoán Trình diễn mẫu Luyện tập và thực hành
Giảng dạy gián tiếp	Một số học phần giảng dạy gián tiếp không có sự can thiệp rõ ràng của giảng viên như thực tập tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Yêu cầu Giải quyết vấn đề Nghiên cứu tình huống Xây dựng ý tưởng
Học tập trải nghiệm	Các học phần cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành có thực hành và thí nghiệm trong phòng thí nghiệm	Mô phỏng Thực tế Thí nghiệm
Giảng dạy tương tác	Được thực hiện hầu hết trong các học phần của chương trình đào tạo. Sinh viên thảo luận nhóm, thuyết trình, thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp	Tranh luận Thảo luận Giải quyết vấn đề Động não
Học tập độc lập	Hoạt động thực tế tốt nghiệp, hoạt động tự học, khóa luận tốt nghiệp	Kế hoạch cá nhân Kế hoạch nghiên cứu

6.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

- Chương trình đào tạo được rà soát định kỳ 2 năm/1 lần theo hướng điều chỉnh đáp ứng được nhu cầu của người học và các bên có liên quan.
- Mỗi học kỳ, Khoa xây dựng kế hoạch dự giờ của GV đặc biệt là GV trẻ để trao đổi chia sẻ kiến thức, phương pháp giảng dạy nâng cao năng lực GV;
- Thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên về phẩm chất, tài năng, đạo đức và tác phong của GV.
- Thường xuyên lấy ý kiến của các bên liên quan về nhu cầu sử dụng người học sau khi tốt nghiệp.

7. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

6.4. Quy trình đánh giá

Phương pháp đánh giá sinh viên dựa trên chuẩn đầu ra học phần, và chuẩn đầu ra học phần phản ánh mức độ đạt được của chuẩn đầu ra học phần. Việc đánh giá này phải đảm bảo tính giá trị, tin tưởng và công bằng. Đánh giá sinh viên bao gồm thi đầu vào, khảo sát sinh viên về học phần giữa kỳ và đánh giá tổng thể cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn, bài kiểm tra ngắn, báo cáo thực tế tốt nghiệp, khóa luận tốt nghiệp, kiểm tra thực hành, phân tích tình huống. Chuẩn đánh giá có thể dựa vào các rubrics học phần. Việc cho điểm, phản hồi của giảng viên, sinh viên được thực hiện theo quy trình.

6.5. Hình thức, trọng số và tiêu chí đánh giá

❖ Các môn lý thuyết:

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng.
- Trọng số quy định:
 - o Điểm giữa kỳ, chuyên cần, bài tập, ... : 30 - 40%
 - o Điểm thi kết thúc học phần: 60% - 70%. Hình thức thi theo học phần cụ thể ghi trong đề cương chi tiết. Tiêu chí đánh giá bài thi theo đáp án của giảng viên ra đề.

❖ **Các môn thực hành:** Điểm học phần là điểm trung bình cộng điểm của các bài thực hành.

6.6. Thang điểm

Thực hiện theo Quy chế Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Tây Đô (Ban hành theo Quyết định số 484/QĐ-ĐHTĐ, ngày 17/9/2014 và được sửa đổi theo quyết định số 432 ngày 03/9/2015 của Hiệu Trưởng trường Đại học Tây Đô).

Bảng 3. Thang điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần:

Xếp loại học phần	Điểm số theo thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số theo thang điểm 4
Xuất sắc	9,0 – 10,0	A	4,0
Giỏi	8,0 – 8,9	B+	3,5
Khá	7,0 – 7,9	B	3,0
Trung bình Khá	6,5 – 6,9	C+	2,5
Trung bình	5,5 – 6,4	C	2,0
Trung bình Yếu	5,0 – 5,4	D+	1,5
Yếu	4,0 – 4,9	D	1,0
Kém	nhỏ hơn 4,0	F	0,0

Điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

A : là ĐTBCHK, ĐTBCHNH hoặc ĐTBCTL.

a_i : là điểm của học phần thứ i .

n_i : là số tín chỉ của học phần thứ i .

n : là tổng số học phần.

6.7. Một số Rubric đánh giá trong chương trình

6.7.1. Rubric đánh giá thuyết trình

STT	TIÊU CHÍ	KHÔNG ĐẠT	ĐẠT	TỐT	RẤT TỐT
		1	2	3	4
1	Nội dung	Sai về nội dung chủ đề, không đầy đủ về nội dung	Đúng và đầy đủ nội dung chủ đề bài thuyết trình	Đúng nội dung chủ đề có liên hệ mở rộng.	Phân tích nội dung trọng tâm chủ đề. Liên hệ nội dung với thực tiễn (nếu có).
2	Cách thiết kế bài thuyết trình	- Có nhiều lỗi trong câu, từ. - Định dạng không phù hợp về font, size. - Thiếu những hiệu ứng cần thiết.	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Màu sắc đơn điệu,	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.	- Văn phong dễ hiểu, không có lỗi chính tả. - Định dạng phù hợp. - Hình ảnh, biểu bảng rõ ràng sắc nét.

			chưa nhấn mạnh trọng tâm.	- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm.	- Hiệu ứng hợp lý, màu sắc đẹp, có nhấn mạnh trọng tâm. - Có các đường link minh họa hoặc link giữa các slide hợp lý.
3	Tác phong trình bày	Trình bày không tự tin, không suôn sẻ, không rõ ràng.	Trình bày tự tin, suôn sẻ, rõ ràng.	Trình bày tự tin, nhiệt huyết, mạch lạc, rõ ràng, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể.	Trình bày chuyên nghiệp, sử dụng tốt ngôn ngữ nói và hình thể, có tương tác với người nghe.
4	Phản hồi, xử lý ý kiến phản biện	Không xác định mục tiêu, nội dung cần phản biện.	Xác định được nội dung câu hỏi phản biện nhưng trả lời chưa rõ ràng cụ thể.	Trả lời được mục tiêu câu hỏi đề ra nhưng chưa minh họa được bình ví dụ điển hình.	Trả lời được câu hỏi phản biện mở rộng, nâng cao. Liên hệ ví dụ minh họa điển hình cho câu trả lời.

6.7.2. Rubric đánh giá báo cáo khóa luận tốt nghiệp

Tiêu chí	Tỉ lệ %	Không đạt (0-1 điểm)	Gần đạt (2-4 điểm)	Đạt (5-8 điểm)	Tốt (9-10 điểm)
I	NỘI DUNG KHÓA LUẬN 70%				
1. Hình thức	5%	Không đạt số trang quy định Định dạng sai	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học.	Đạt số trang quy định (≥ 40 trang). Định dạng đúng quy định Phù hợp với văn phong khoa học. Trình bày rõ ràng, hợp logic.

11/07/2024

2. Cấu trúc	5%	Không đủ các chương	Đầy đủ các chương	Đầy đủ các chương và các phần liên quan	Đầy đủ các chương và các phần liên quan Bố cục logic
3. Nội dung					
3.1. Tổng quan	10%	Không nêu được mục tiêu và không lược khảo tài liệu	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Nêu được mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể. - Lược khảo đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài - Trình bày mạch lạc, rõ ràng 	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tình hình thực tế của vấn đề nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Nêu được tính cấp thiết của đề tài. - Mục tiêu cụ thể có tương thích với mục tiêu tổng quát - Lược khảo có phân tích, đầy đủ và phù hợp về những nghiên cứu trước đây về vấn đề có liên quan đến đề tài nghiên cứu - Nêu bật được những khiếm khuyết của các nghiên cứu này đây so với thực tế (để chứng minh tính thiết yếu khoa học). - Kế thừa thích hợp những tri thức của các nghiên cứu trước đây để tiến hành nghiên cứu (các khái niệm, các lý thuyết...). - Xác định các khái niệm làm cơ sở cho đề tài. - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.

<p>3.2. Cơ sở lý luận - Thiết kế nghiên cứu</p>	<p>20%</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chưa xác định được đối tượng nghiên cứu - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng không tương thích với mục tiêu. - Chưa đạt cỡ mẫu nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu. - Có mô tả công cụ thực nghiệm. - Có mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu nhưng chưa đầy đủ. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Có mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được đối tượng nghiên cứu cụ thể, rõ ràng. - Mô tả phương pháp xây dựng dữ liệu nghiên cứu rõ ràng, tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Đạt cỡ mẫu nghiên cứu và mang tính đại diện. - Mô tả công cụ thực nghiệm chính xác, có tương thích với mục tiêu nghiên cứu. - Mô tả phương pháp xử lý dữ liệu nghiên cứu đầy đủ. - Tính khách quan, chính xác và khoa học của PP xử lý. - Lý giải về tính tương thích với giả thuyết nghiên cứu và mục tiêu nghiên cứu. - Dữ liệu nghiên cứu đầy đủ (định lượng và định tính) - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
--	------------	--	--	--	--

<p>3.3. Kết quả nghiên cứu</p>	<p>30%</p>	<p>Dữ liệu và kết quả nghiên cứu không tương thích với mục tiêu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - xử lý dữ liệu nghiên cứu chưa rõ ràng. - Có trình bày kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). 	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả tiến trình thực hiện nghiên cứu rõ ràng, logic. - Tính xác đáng của kết quả xử lý dữ liệu nghiên cứu. - Trình bày kết quả nghiên cứu chính xác, rõ ràng, súc tích. - Có đối chiếu với giả thuyết nghiên cứu và các kết quả nghiên cứu trước đây. - Trình bày giới hạn có nghĩa của kết quả đề tài (các điều kiện để kết quả có giá trị). - Trình bày mạch lạc, rõ ràng.
<p>3.4. Giải pháp thực tế/khả thi</p>	<p>20%</p>	<p>Không khái quát được Giải pháp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết giải pháp - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được Giải pháp - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được giải pháp, mạch lạc, rõ ràng. - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể ứng dụng các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
<p>3.5. Kết luận- Ý nghĩa</p>	<p>5%</p>	<p>Không khái quát được kết quả nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn 	<ul style="list-style-type: none"> - Khái quát được kết quả nghiên cứu, mạch lạc, rõ ràng. - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.

4. Các đặc trưng	5%	Không thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu chưa có ý nghĩa thực tiễn	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; Nghiên cứu có ý nghĩa thực tiễn	Thể hiện Tính mới, lạ; độ phức tạp của cấu trúc vấn đề; - Nghiên cứu ý nghĩa thực tiễn có tính mới - Có thể khai thác các hướng nghiên cứu, khác từ kết quả này.
II	BÁO CÁO 30%				
Báo cáo	100%	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong không phù hợp - Slide báo cáo khó theo dõi - Không hiểu rõ nội dung trình bày, không trả lời được các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác <50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - slide báo cáo dễ nhìn - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác 50% các câu hỏi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tác phong chuẩn mực, tự tin, trình bày rõ ràng lưu loát. - Silde báo cáo trình bày rõ ràng, logic, phản ánh cơ bản các nội dung báo cáo. - Hiểu rõ vấn đề đang trình bày, trả lời chính xác các câu hỏi.

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Cấu trúc chương trình đảm bảo sự sắp xếp hợp lý, cân bằng ở từng học kỳ của năm học và từng khối kiến thức. Chương trình bố trí các môn học từ cơ bản đến nâng cao nhằm đảm bảo kiến thức được liên tục, mức độ tăng dần và đủ thời gian tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng, đạo đức, thái độ cần thiết để làm việc. Đồng thời chương trình cũng được thiết kế bảo đảm tính chuyên sâu cho từng lĩnh vực chuyên ngành và có khả năng mở rộng cho nhiều chuyên ngành khác nhau.

Nội dung chương trình bao gồm các khối kiến thức cơ bản, cơ sở, chuyên ngành tốt nghiệp có mức độ tăng dần được giảng dạy trong các môn học, đồng thời giúp người học nâng cao thêm các kỹ năng mềm, kỹ năng tin học, ngoại ngữ,... rèn luyện được tác phong,

kỷ luật, an toàn lao động khi làm việc. Chương trình cũng đảm bảo tính linh hoạt giúp người học có thể chuyển đổi sang các ngành học khác ở năm thứ nhất, năm thứ hai hoặc học cùng lúc nhiều chương trình.

8.1. Thời gian đào tạo và Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng thời gian đào tạo tập trung là : 4 năm, khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là 130 tín chỉ, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng (8 tín chỉ).

TT	TÊN HỌC PHẦN	Dự kiến điều chỉnh
	Thời gian đào tạo	4 năm
	Số học kỳ	8
	Chương trình đào tạo bắt đầu năm 2020-2021	Tín chỉ
Tổng số tín chỉ		139
1	Kiến thức giáo dục đại cương	34
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	105
	Trong đó:	
	- Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc	30
	- Kiến thức cơ sở ngành tự chọn	4
	- Kiến thức ngành bắt buộc	53
- Kiến thức ngành tự chọn	6	
3	Thực tập, thực hiện khóa luận (hoặc tiểu luận và học phần thay thế)	12

8.2. Danh mục học phần

8.2.1. Kiến thức giáo dục đại cương: 34 tín chỉ

SỐTT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
Học phần bắt buộc: 32					
1	0301001769	Triết học Mác – Lênin	3	3	
2	0301001825	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	
3	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	
4	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	
5	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	
6	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4	
8	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4	

SỐ TT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
9	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2	
10	0301001673	Tin học căn bản	3		3
11	0301000487	Tâm lý học đại cương	2	2	
12	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2	
13	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*)	8		8
14	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**			
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**			
15	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1		1
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**			
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**			
16	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1		1
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**			
	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**			
Ghi chú: Các học phần (**): không tích lũy					
Học phần tự chọn: TC					
17	0301000322	Môi trường và phát triển bền vững	2	2	
18	0301000364	Ngữ pháp Tiếng Việt	2	2	
		Tổng cộng	30+11		

8.2.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

A. Kiến thức cơ sở ngành: 34 TC

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
Học phần bắt buộc: 30 TC					
19	0301000487	Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học	2	2	
20	0301000060	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	2	
21	0301000095	Địa lý Việt Nam	2	2	
22	0301000286	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3	
23	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2	2	
24	0301000717	Hán Nôm	2	2	
25	0301001676	Địa chính trị thế giới	2	2	
26	0301001571	Tiếng Anh chuyên ngành VNH	4	4	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
27	0301000242	Kỹ năng giao tiếp	2	2	
28	0301001939	Phương pháp nghiên cứu khoa học VNH	2	2	
29	0301002094	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	2	2	
Học phần tự chọn: 4 TC					
30	0301000607	Văn hóa Việt Nam trong Đông Nam Á	2	2	
31	0301000021	Các vùng văn hoá Việt Nam	2	2	
32	0301000285	Lịch sử văn minh Việt Nam	2	2	
33	0301000606	Văn hóa phương Đông	2	2	
34	0301002405	Văn học Việt Nam đại cương	2	2	
Tổng cộng			29	29	0

B. Kiến thức chuyên ngành: 71 tín chỉ

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
Học phần bắt buộc: 57 TC					
35	0301000579	Tổng quan du lịch	2	2	
36	0301000090	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2	2	
37	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam	2	2	
38	0301000016	Các dân tộc Việt Nam	2	2	
39	0301000136	Du lịch văn hoá Việt Nam	2	2	
40	0301000095	Địa lý du lịch Việt Nam	2	2	
41	0301001940	Địa danh Việt Nam	2	2	
42	0301001941	Quản lý văn hóa	2	2	
43	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	2	
44	0301000089	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2	2	
45	0301001942	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay Video	2	2	
46	0301000247	Kỹ năng thuyết minh - thuyết trình	2	2	
47	0301001944	Kỹ năng truyền thông sự kiện	2	2	
48	0301000428	Quan hệ công chúng	2	2	
49	0301001946	Báo chí và truyền thông đại cương	3	3	

STT	Mã học phần	Tên môn học	Tín chỉ	Lý thuyết	Thực hành
50	0301001947	Tổ chức sự kiện VNH	3	3	
51	0301002087	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2	
52	0301001919	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2		2
52	0301001950	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	3	3	
54	0301001951	Nghiệp vụ truyền thông	3	3	
55	0301001952	Nghiệp vụ văn phòng VNH	3	3	
56	0301000386	Niên luận Việt Nam học	2		2
57	0301001569	Thực tế Việt Nam học	4		4
58	0301001575	Thực tập tốt nghiệp VNH	4		4
Học phần tự chọn: 14 TC					
59	0301000576	Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam	2	2	
60	0301001953	Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam	2	2	
61	0301000132	Du lịch cộng đồng Việt Nam	2	2	
62	0301000134	Du lịch sinh thái Việt Nam	2	2	
63	0301002052	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	2	
64	0301001912	Thiết kế và điều hành chương trình du lịch	2	2	
65	0301001573	Khóa luận tốt nghiệp VNH	8		8
Ghi chú:					
Trường hợp sinh viên không thực hiện <i>Khóa luận tốt nghiệp</i> sẽ thực hiện <i>Tiểu luận tốt nghiệp (4 TC)</i> và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn sau:					
66	0301001572	Tiểu luận tốt nghiệp VNH	4		4
67	0301001474	Danh nhân đất Việt	2	2	
68	0301001954	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2	2	
69	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2	2	
70	0301001955	Văn hóa biển đảo Việt Nam	2	2	
		Tổng cộng	71	53	18
TỔNG CỘNG: 139 TC (Bắt buộc:119, Tự chọn: 20) và 11 tín chỉ các HP điều kiện					

8.3. Ma trận tích hợp học phần – chuẩn đầu ra chương trình:

Mã học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	K1	K2	K3	K4	K5	S6	S7	S8	S9	S10	C11	C12	C13	C14	C15
0301001769	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2

0301001825	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001826	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301001827	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000665	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000946	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	3	1	1	2
0301000947	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301000667	1	1	2	1	1	1	1	1	2	3	3	2	1	1	2
0301001673	1	1	3	1	1	1	1	1	2	3	2	1	1	1	2
0301000487	2	2	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2	1	1	2
0301000643	3	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	1	1	1	2
0301000650	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	3	1	1	2
0301001035	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001036	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001037	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000660	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001038	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001039	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301001030	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000661	3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	1	2
0301000662	1	3	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2	2
0301000322	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000364	1	2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000487	2	3	2	2	1	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000060	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000095	1	1	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301000286	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001654	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000717	1	2	2	3	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001676	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	2	3	3
0301001571	1	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000242	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301001939	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301002094	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	3	3	2
0301000607	1	3	2	2	2	3	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301000021	1	2	3	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	3	2
0301000285	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	1	2	2
0301000606	1	2	2	2	1	2	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301002405	1	3	2	1	2	2	2	2	3	1	2	2	2	3	2
0301000579	1	1	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2

0301000090	1	2	2	2	2	2	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301000410	1	2	2	3	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301000016	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301000136	1	2	2	3	3	3	2	3	2	1	1	2	2	2	2
0301000095	1	2	2	3	3	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001940	1	2	2	3	3	2	2	2	2	2	2	2	2	2	2
0301001941	1	2	2	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2
0301000081	1	2	2	2	2	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2
0301000089	1	2	2	3	3	3	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001942	1	2	2	3	2	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301000247	1	2	2	3	2	3	3	3	2	2	2	3	3	3	2
0301001944	1	2	2	2	2	3	3	3	3	2	2	2	2	2	3
0301000428	1	2	2	2	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001946	1	2	2	3	3	2	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301001947	1	2	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	2
0301002087	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	2	2
0301001919	1	2	2	3	3	2	3	2	3	2	2	3	3	3	2
0301001950	1	2	3	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2
0301001951	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	2	2	2	2	2
0301001952	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301000386	1	1	2	2	2	2	2	2	2	2	1	2	2	2	2
0301001569	1	3	1	2	2	3	2	2	3	1	1	2	2	3	2
0301001575	1	2	2	3	3	3	2	3	3	1	1	2	2	3	2
0301000576	1	2	2	2	2	2	2	2	3	2	1	2	2	2	2
0301001953	1	2	3	2	2	2	2	2	2	3	2	2	2	2	2
0301000132	1	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301000134	1	2	1	2	2	2	3	2	3	1	2	3	3	2	3
0301002052	1	2	2	3	3	3	2	2	2	1	1	2	2	2	3
0301001912	1	3	1	3	3	3	3	3	3	1	2	2	3	2	2
0301001573	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	2
0301001572	1	2	2	2	2	3	3	2	3	1	2	2	3	2	3
0301001474	1	2	2	3	3	2	2	3	2	1	1	3	2	3	2
0301001954	1	2	2	3	3	2	2	3	2	2	1	2	2	3	2
0301001472	1	3	2	2	2	3	2	2	2	1	1	2	2	2	2
0301001955	1	2	1	2	2	2	3	2	3	1	2	3	3	2	3

9. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY: (dự kiến)

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH
HỌC KỲ 1: 13+9 TC							
<i>Bắt buộc: 13+9 TC</i>							
1	0301000667	Pháp luật đại cương	2	2		30	
2	0301001673	Tin học căn bản	3	3		30	30
3	0301001035	Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền**	1	1			30
	0301001036	Giáo dục thể chất 1 - Bóng đá**					
	0301001037	Giáo dục thể chất 1 - Cầu lông**					
4	0301000487	Tâm lý học đại cương	2	2		30	
5	0301000643	Xã hội học đại cương	2	2		30	
6	0301000060	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	2		45	
7	0301000487	Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học	2	2		30	
8	0301000650	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (*)	8	8			240
		Cộng	13+9	13+9		195	300
HỌC KỲ 2: 18 +1 TC							
<i>Bắt buộc: 16 +1 TC</i>							
1	0301001769	Triết học Mác - Lênin 1	3	3		45	
2	0301000946	Tiếng Anh định hướng Toeic 1	4	4		60	
3	0301000660	Giáo dục thể chất 2 - Bóng chuyền**	1	1			30
	0301001038	Giáo dục thể chất 2 - Bóng đá**					
	0301001039	Giáo dục thể chất 2 - Cầu lông**					
4	0301000286	Lịch sử Việt Nam đại cương	3	3		45	
5	0301000579	Tổng quan du lịch	2	2		30	
6	0301001654	Lịch sử văn minh thế giới	2	2		30	
7	0301000095	Địa lí Việt Nam	2	2		30	
<i>Tự chọn: 2 TC</i>							
8	0301000364	Ngữ pháp Tiếng Việt	2		2	30	
	0301000322	Môi trường và phát triển bền vững	2		2	30	
		Cộng	18+1	16+1	2	270	30

HỌC KỶ 3: 18+1 TC**Bắt buộc: 16+1 TC**

1	0301001825	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30	
2	0301001826	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30	
3	0301000947	Tiếng Anh định hướng Toeic 2	4	4		60	
4	0301001030	Giáo dục thể chất 3 - Bóng chuyền**	1	1			30
	0301000661	Giáo dục thể chất 3 - Bóng đá**					
	0301000662	Giáo dục thể chất 3 - Cầu lông**					
5	0301001939	Phương pháp nghiên cứu khoa học - VNH	2	2		30	
6	0301001676	Địa chính trị thế giới	2	2		30	
7	0301000095	Địa lý du lịch Việt Nam	2	2		30	
8	0301000016	Các dân tộc Việt Nam	2	2		30	

Tự chọn: 2 TC

9	0301000607	Văn hóa Việt Nam trong ĐNA	2		2	30	
	0301000021	Các vùng văn hoá Việt Nam	2		2	30	
		Cộng	18+1	16+1	2	270	30

HỌC KỶ 4: 18 TC**Bắt buộc: 16 TC**

1	0301001827	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	2	2		30	
2	0301001571	Tiếng Anh chuyên ngành VNH	4	4		45	30
3	0301000242	Kỹ năng giao tiếp	2	2		30	
4	0301000428	Quan hệ công chúng	2	2		30	
5	0301002094	Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam	2	2		30	
6	0301000136	Du lịch văn hóa VN	2	2		30	
7	0301000717	Hán Nôm	2	2		30	

Tự chọn: 2 TC

8	0301000285	Lịch sử văn minh Việt Nam	2		2	30	
	0301000606	Văn hóa phương Đông	2		2	30	
	0301002405	Văn học VN đại cương	2		2	30	
		Cộng	18	16	2	255	30

HỌC KỶ 5: 17 TC

Bắt buộc: 15 TC							
1	0301000665	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30	
2	0301000410	Phong tục, tập quán và lễ hội VN	2	2		30	
3	0301000247	Kỹ năng thuyết trình - thuyết minh	2	2		15	30
4	0301001946	Báo chí và truyền thông đại chúng	3	3		30	30
5	0301000090	Di tích và thắng cảnh Việt Nam	2	2		30	
6	0301002087	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2		30	
7	0301001919	Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	2	2			60
Tự chọn: 2 TC							
8	0301000576	Tôn giáo và tín ngưỡng VN	2		2	30	
	0301001953	Gia đình, dòng họ, làng xã VN	2		2	30	
		Cộng	17	15	2	195	120
HỌC KỲ 6: 17 TC							
Bắt buộc: 15 TC							
1	0301000081	Đặc điểm văn hóa ĐBSCL	2	2		30	
2	0301001940	Địa danh Việt Nam	2	2		30	
3	0301000089	Di sản văn hóa với phát triển du lịch	2	2		30	
	0301001944	Kỹ năng truyền thông sự kiện	2	2		15	30
4	0301001942	Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay Video	2	2		15	30
5	0301001951	Nghiệp vụ truyền thông	3	3		30	30
6	0301000386	Niên luận Việt Nam học	2	2			60
Tự chọn: 2 TC							
7	0301000132	Du lịch cộng đồng Việt Nam	2		2	30	
	0301000134	Du lịch sinh thái Việt Nam	2		2	30	
		Cộng	17	15	2	180	150
HỌC KỲ 7: 17							
Bắt buộc: 15 TC							
1	0301001947	Tổ chức sự kiện VNH	3	2		30	
2	0301001950	Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn	3	3		30	30
3	0301001952	Nghiệp vụ văn phòng VNH	3	3		30	30
4	0301001941	Quản lý văn hóa	2	2		30	
5	0301001569	Thực tế Việt Nam học	4	4			120

Tự chọn: 2 TC							
5	0301002052	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2		2	30	
	0301001912	Thiết kế và điều hành tour du lịch	2		2	30	
		Cộng	17	15	2	150	180
HỌC KỲ 8: 12 TC							
1	0301001575	Thực tập Tốt nghiệp VNH	4	4			120
2	0301001573	Khoá luận tốt nghiệp (*)	8		8		240
Ghi chú:							
Trường hợp sinh viên không làm <i>Khoá luận tốt nghiệp</i> sẽ thực hiện <i>Tiểu luận tốt nghiệp (4 TC)</i> và học bổ sung 2 học phần (4 TC) trong danh mục các học phần tự chọn sau:							
2	0301001572	Tiểu luận tốt nghiệp	4		4		120
3	0301001474	Danh nhân đất Việt	2		2	30	
4	0301001954	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	2		2	30	
5	0301001472	Văn hóa ẩm thực Việt Nam	2		2	30	
6	0301001955	Văn hóa biển đảo Việt Nam	2		2	30	
		Cộng	12	4	8	120	240

Ghi chú: **: Các học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy.

10. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

1. Triết học Mác - Lênin

Học phần là phần thứ nhất của môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Nội dung của môn học bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác –Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

Học phần có 7 chương, gồm những tri thức lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học cung

cấp cho người học: đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Sau khi học xong người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Người học lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Lịch sử đảng cộng sản Việt Nam

Bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp cho sinh viên hiểu biết một cách có hệ thống và tương đối toàn diện về sự ra đời, về sứ mệnh lịch sử, tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng (bằng Cương lĩnh, chiến lược các định hướng lớn về chính sách chủ trương công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra, tổ chức quần chúng đấu tranh, bằng hành động tiên phong gương mẫu của cán bộ đảng viên...)

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

Nội dung học phần: Nội dung học phần trình bày về khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành, nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội tại Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và quốc tế; Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới.

6. Pháp luật đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật như: nguồn gốc nhà nước, khái niệm, bản chất nhà nước, chức năng nhà nước, hình thức nhà nước; nguồn gốc, khái niệm, bản chất, chức năng và vai trò của pháp luật, các kiểu và hình thức pháp luật; quy phạm pháp luật và hệ thống pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

7. Tiếng Anh định hướng ToEIC 1

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm.

8. Tiếng Anh định hướng ToEIC 2

Học phần giúp cho người học ôn lại kiến thức cơ bản về ngữ pháp, sử dụng được trong giao tiếp hàng ngày cũng như một số từ vựng tiếng Anh thương mại, các kỹ năng nghe - nói - đọc - viết ở trình độ sơ cấp, các kỹ năng phụ như từ vựng, phát âm, giúp sinh viên làm quen với hình thức đề thi ToEIC quốc tế.

9. Tin học căn bản

Môn học cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua lý thuyết và thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng:

Sử dụng hệ điều hành Windows: Những hiểu biết cơ bản về tin học, thông tin và cách biểu diễn thông tin trong máy tính; Hệ thống máy tính với phần cứng, phần mềm và dữ liệu; Các khái niệm về hệ điều hành; Sử dụng hệ điều hành Windows; Sử dụng tiếng Việt trong windows, cách bảo vệ thông tin và phòng chống virus máy tính.

Soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, Xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel. Trình bày báo cáo bằng Microsoft PowerPoint, Sử dụng Internet và E-mail : Trình bày hai dịch vụ quan trọng nhất là WEB và E-MAIL nhằm giúp sinh viên tìm kiếm và trao đổi thông tin trên internet.

10. Tâm lý học đại cương

Môn tâm lý học đại cương trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đời sống tâm lý của con người. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để hình thành và phát triển khả năng tư duy, rèn luyện trí nhớ, trí thông minh, trí tuệ cảm xúc và tính sáng tạo. Đồng thời giúp cho người học hình thành những phẩm chất nhân cách là cơ sở để họ có thể giải quyết các vấn đề nảy sinh trong cuộc sống cũng như trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

11. Xã hội học đại cương

Xã hội học là ngành khoa học nghiên cứu các quy luật và quá trình xã hội của các sự kiện, hiện tượng xã hội thể hiện trong hoạt động của các nhóm xã hội bằng các phương pháp định lượng. Đối với xã hội học, mọi cái không phải hình như hay chúng có vẻ là... Từ sự trình bày, phân tích các khái niệm cơ bản như cơ cấu xã hội, phân tầng xã hội, nhóm xã hội, thiết chế xã hội..., cung cấp tri thức, hiểu biết về quy trình tiến hành một cuộc điều tra xã hội học, về các phương pháp thu thập thông tin, môn học đi sâu vào nghiên cứu một số lĩnh vực chuyên biệt như: Xã hội học tội phạm, xã hội học về dư luận xã hội, xã hội học đô thị, xã hội học nông thôn và xã hội học gia đình. Trên cơ sở những thành tựu khoa học về tri thức và công nghệ đã đạt được, xã hội học trang bị cho người học những tri thức khoa học về các lĩnh vực xã hội và kỹ năng vận dụng chúng vào việc nghiên cứu, giải quyết những vấn đề mà thực tiễn cuộc sống đặt ra.

12. Giáo dục quốc phòng – An ninh

Giáo dục hiểu rõ nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc xây dựng nền quốc phòng toàn dân là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của nước ta hiện nay, về chiến lược “diễn biến hoà bình” bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề tư duy lý luận trong đường lối quân sự của Đảng. Một số nội dung cơ bản về công tác quốc phòng, về nghệ thuật quân sự Việt Nam, thực hành một số kỹ năng quân sự cần thiết về kỹ thuật và chiến thuật. Rèn luyện tác phong, nếp sống tập thể có kỷ luật.

13. Nội dung học phần bóng đá cơ bản

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, chuyền bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn bóng đá.

14. Nội dung học phần cầu lông cơ bản

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông cơ bản sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật như di chuyển đơn bước và đa bước, kỹ thuật giao cầu trái tay, kỹ thuật phòng thủ cơ bản... Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về luật thi đấu môn cầu lông.

15. Nội dung học phần môn bóng chuyền cơ bản

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác. Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

16. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 1

Kỹ năng thực hành: Kỹ thuật đệm bóng cơ bản và nâng cao, chuyền bóng cơ bản và nâng cao, phát bóng cơ bản và nâng cao, kỹ thuật di chuyển cơ bản trong môn bóng chuyền, kỹ năng phán đoán và đánh bóng chuẩn xác.

- Lý thuyết: Hiểu được lịch sử phát triển và luật thi đấu của môn bóng chuyền

17. Nội dung học phần bóng đá nâng cao 1

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, nhận bóng, chụp bóng. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và luật thi đấu môn bóng đá

18. Nội dung học phần cầu lông nâng cao 1

Giúp cho sinh viên giúp có thể thực hành một số kỹ thuật nâng cao trong môn cầu lông như: Đánh cầu thuận tay cao sâu, đập cầu. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện

19. Nội dung học phần môn bóng chuyền nâng cao 2

- Kỹ năng thực hành: Phát triển hoàn thiện kỹ thuật đập bóng cơ bản, hình thức thi đấu, khả năng tổ chức và điều hành trận đấu.

- Lý thuyết: Hiểu được một số luật cơ bản và phương pháp trọng tài

20. Nội dung học phần bóng đá nâng cao 2

Học phần môn bóng đá giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn bóng đá. Sinh viên sau khi học sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật của môn bóng đá như dẫn bóng, tâng bóng, sút bóng, ném biên. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức về chiến thuật thi đấu và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng đá.

21. Nội dung học phần cầu lông nâng cao 2

Học phần môn cầu lông giúp cho sinh viên có kiến thức về nguồn gốc hình thành và phát triển môn cầu lông thế giới và Việt Nam. Sinh viên sau khi học xong chương trình môn cầu lông nâng cao 2 sẽ nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật đã học đồng thời hoàn thiện các kỹ thuật đó và có thể thi đấu nâng cao trình độ kỹ thuật. Các kỹ thuật này sẽ giúp sinh viên tự tập luyện để nâng cao sức khỏe và hướng dẫn người khác cùng tập luyện. Ngoài ra, học phần này cũng giúp sinh viên có kiến thức rõ hơn về luật thi đấu môn cầu lông.

22. Môi trường và phát triển bền vững

Học phần cung cấp các khái niệm, định nghĩa cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, đa dạng sinh học, tài nguyên, phát triển, tình hình chung về các nguồn tài nguyên đất, nước, không khí trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Những nguyên nhân và hệ quả của việc suy thoái các nguồn tài nguyên thiên nhiên, và vai trò của con người trong việc bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Mối quan hệ giữa môi trường và phát triển

23. Ngữ pháp tiếng Việt

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về từ loại tiếng Việt như: khái niệm, tiêu chuẩn phân định và hệ thống từ loại tiếng Việt, cung cấp những kiến thức về cấu tạo, chức năng, ý nghĩa của cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về câu tiếng Việt: cấu tạo của câu, phân loại và miêu tả câu theo các tiêu chí khác nhau, trên những bình diện khác nhau.

Mặt khác, học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng nhận diện từ loại của từ, xác định và phân tích cụm từ, nhận diện kiểu câu và phân tích cấu trúc câu tiếng Việt.

24. Nhập môn Khu vực học và Việt Nam học

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về sự phân chia các khu vực địa chính trị trên thế giới, cũng như những nét đặc thù về văn hóa, xã hội, chính trị, kinh tế của các khu vực đó. Trên cơ sở nền tảng chung đó sẽ vận dụng nghiên cứu cụ thể tại Việt Nam.

25. Cơ sở văn hóa Việt Nam

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên

các tri thức lí luận căn bản về văn hóa và văn hóa học; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa, cấu trúc và loại hình văn hóa... Phần thứ 2 cung cấp các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: diễn trình văn hóa Việt Nam, thành tố cơ bản của văn hóa, các vùng văn hóa Việt Nam, văn hóa và phát triển ở Việt Nam hiện nay.

26. Địa lý Việt Nam

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về địa lí kinh tế của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển kinh tế qua từng thời kỳ. Nội dung chính của học phần là: Vị trí địa lý và phạm vi lãnh thổ VN, đặc điểm của thiên nhiên nhiệt đới gió mùa của VN, vấn đề khai thác sử dụng và bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, những vấn đề về dân số và lao động VN, chuyển dịch cơ cấu kinh tế VN, thực trạng và định hướng phát triển các ngành kinh tế, vấn đề phát triển kinh tế trong các vùng của VN.

27. Lịch sử Việt Nam đại cương

Hệ thống lại cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đương đại trên cơ sở những nội dung chính của từng thời kỳ lịch sử, những sự kiện nổi bật của từng thời kỳ và những chuyển biến của từng giai đoạn lịch sử ấy.

28. Lịch sử văn minh thế giới

Lịch sử văn minh thế giới bao gồm hệ thống kiến thức về quá trình hình thành, phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử nhân loại: văn minh phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Hoa, Ấn Độ, Ả Rập), văn minh phương Tây (Hy Lạp, La Mã, Tây Âu) và nền văn minh cận - hiện đại.

29. Hán Nôm

Học phần cung cấp những tri thức có tính chất nhập môn về Hán Nôm cả về phương diện lý thuyết và thực hành. Về phương diện lý thuyết, học phần giới thiệu các yếu tố cơ sở của Hán Nôm như: chữ Hán, Hán văn, chữ Nôm, văn Nôm trong tiến trình lịch sử và văn hoá Việt Nam. Về phương diện thực hành, sinh viên được thực hành viết chữ Hán theo qui tắc bút thuận, nhớ một lượng chữ Hán, chữ Nôm nhất định theo các chủ đề, biết được vốn từ, vốn văn hoá cũng như những hiện tượng ngữ pháp cơ bản trong Hán văn.

Học phần sẽ cung cấp những tri thức cơ bản về chữ Hán như: Lịch sử chữ Hán, diễn biến hình thể của chữ Hán (Giáp cốt văn, kim văn, đại triện, tiểu triện, lệ thư, hành thư, thảo thư, khải thư, giản thể...); ba phương diện: hình - âm - nghĩa của chữ Hán; âm Hán Việt; sáu phép tạo và dùng chữ Hán (lục thư); bản chất ý - âm của chữ Hán; hệ thống thư tịch Hán Nôm. Chữ Hán được dạy và học trong mối quan hệ với các đơn vị, cấp độ trong Hán ngữ (Hán văn): tự - từ - ngữ - cú - văn bản; các phương thức diễn đạt ý nghĩa ngữ pháp (thực từ, hư từ) trong Hán văn ở mức độ nhập môn, thông qua những bài đọc cụ thể ứng với các chủ đề (chủ đề tự nhiên, chủ đề xã hội,...). Người học sẽ được cung cấp những tri

thức nhập môn về chữ Nôm: định nghĩa chữ Nôm, các nguyên tắc tạo chữ Nôm, các loại âm đọc trong chữ Nôm thông qua một số trích đoạn văn bản Nôm cụ thể.

30. Địa chính trị thế giới

Học phần nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về cơ bản về địa chính trị và ảnh hưởng của địa chính trị đến chính sách đối ngoại các quốc gia. Nội dung học phần đề cập đến cơ sở lý luận, mật mã địa chính trị, địa chính trị và chủ nghĩa dân tộc, địa chính trị lãnh thổ và an ninh phi truyền thống. Liên hệ tình hình Việt Nam.

31. Tiếng anh chuyên ngành VNH

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và nâng cao về ngôn ngữ tiếng Anh dùng trong du lịch, khách sạn và lễ hành. Học phần tập trung vào các thuật ngữ Tiếng Anh dùng trong du lịch. Học phần tập trung vào các thuật ngữ chuyên môn cũng như cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh được sử dụng trong giáo tiếp, kinh doanh và thư điện tử. Ngoài ra, học phần còn tập trung cho người học luyện tập và thực hành trong công nghiệp du lịch.

32. Kỹ năng giao tiếp

Kỹ năng giao tiếp là một trong những môn học nhằm cung cấp kiến thức giao tiếp cơ bản cho hầu hết sinh viên các khối ngành trong toàn trường, từ hệ Cao đẳng tới Đại học. Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về giao tiếp như: Khái quát chung về giao tiếp (Khái niệm, các chức năng của giao tiếp, quá trình giao tiếp, phân loại giao tiếp,...), các phương tiện giao tiếp (giao tiếp phi ngôn ngữ và giao tiếp ngôn ngữ), các kỹ năng giao tiếp cơ bản (Kỹ năng lắng nghe, kỹ năng nói và đặt câu hỏi, kỹ năng khen - phê bình...), giao tiếp liên văn hóa (các vấn đề của giao tiếp liên văn hóa, văn hóa giao tiếp của người Việt Nam và một số nước trên thế giới...). Đây là môn học giúp sinh viên hoàn thiện hơn về kỹ năng giao tiếp. Đồng thời cũng là một trong những bước đệm quan trọng đưa các em đến gần hơn với thành công.

33. Phương pháp nghiên cứu khoa học VNH

Môn Phương pháp và phương pháp luận nghiên cứu khoa học trong chương trình đào tạo là một môn học bắt buộc nằm trong phần kiến thức chung, có quan hệ chặt chẽ với các môn học khác thuộc khối kiến thức chung và khối kiến thức cơ sở, chuyên ngành; nhằm trang bị cho người học phương pháp luận, phương pháp, cách thức tiến hành lựa chọn đề tài, thực hiện và trình bày một báo cáo nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học tự nhiên.

34. Nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam

Môn học có nội dung là những kiến thức cơ bản nhất về bản chất và nguồn gốc của nghệ thuật, các khuynh hướng và quan điểm khác nhau về quá trình hình thành, phát triển của nghệ thuật truyền thống của Việt Nam, từ đó đi sâu phân tích các loại hình nghệ thuật: nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật tạo hình, nghệ thuật biểu diễn và nghệ thuật tổng hợp, mối hệ giữa các ngành nghệ thuật với nhau, đặc biệt ở những ngành nghệ thuật gần gũi

với văn học như sân khấu, điện ảnh. Môn học cũng giới thiệu và phân tích mối liên hệ qua lại giữa sáng tác, thưởng thức và phê bình nghệ thuật, giữa nghệ sĩ và hiện thực đời sống xã hội, về vai trò và chức năng của mỗi loại hình nghệ thuật, tác động qua lại giữa bản thân đối tượng nghệ thuật và nhu cầu thưởng thức cái đẹp của công chúng trong đời sống xã hội.

35. Văn hóa Việt Nam trong Đông Nam Á

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức về văn hóa, xã hội của các nước Đông Nam Á nhằm phục vụ cho việc giao tiếp và dịch thuật. Học phần còn cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về các nước trong khu vực Đông Nam Á như thể chế chính trị, cơ cấu kinh tế, tôn giáo, lịch sử, phong tục, tập quán. Đồng thời, sinh viên cũng nghiên cứu so sánh văn hóa Việt Nam so với các nước trong khu vực.

36. Các vùng văn hóa Việt Nam

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa học và văn hóa Việt Nam; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa và định vị văn hóa Việt Nam... Phần thứ 2 cung cấp các tri thức cơ bản về văn hóa Việt Nam: Văn hóa nhận thức Việt Nam, văn hóa tổ chức đời sống, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội.

37. Lịch sử văn minh Việt Nam

Hệ thống lại cho sinh viên kiến thức cơ bản về lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến đương đại trên cơ sở những nội dung chính của từng thời kỳ lịch sử, những sự kiện nổi bật của từng thời kỳ và những chuyển biến của từng giai đoạn lịch sử ấy.

38. Văn hóa phương Đông

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản: phần thứ nhất cung cấp cho sinh viên các tri thức lí luận căn bản về văn hóa học và văn hóa phương Đông; bao gồm các vấn đề cơ bản như khái niệm, định nghĩa về văn hóa, đặc trưng, chức năng của văn hóa và định vị văn hóa.

39. Văn học Việt Nam đại cương

Học phần cung cấp những vấn đề khái quát về văn học Việt Nam. Văn học Việt Nam bao gồm hai bộ phận: văn học dân gian và văn học viết. Trong đó, văn học dân gian là kho tàng tri thức vô giá của các dân tộc sinh sống ở Việt Nam. Tìm hiểu văn học dân gian chúng ta còn tiếp cận được đời sống văn hóa của người Việt Nam. Văn học viết hình thành đã mở ra một bước phát triển mới cho văn học Việt Nam. Thành tựu của văn học viết đã giúp cho văn học Việt Nam có thể sánh ngang tầm với một số quốc gia trên thế giới. Văn học viết đã phản ánh sâu sắc những vấn đề trong đời sống xã hội. Tìm hiểu văn học viết Việt Nam sẽ giúp nắm bắt được quá trình phát triển của xã hội và sự hình thành nhận thức, tư duy của dân tộc trong sự tương quan với văn học.

40. Tổng quan du lịch

Nội dung học phần Tổng quan du lịch bao gồm các vấn đề liên quan: thuật ngữ và các khái niệm. Lịch sử hình thành và phát triển ngành du lịch. Nhu cầu và đặc điểm của sản phẩm du lịch. Động cơ và phân loại hoạt động du lịch. Điều kiện để phát triển du lịch, mối quan hệ giữa du lịch và các vấn đề trong kinh tế - xã hội.

41. Di tích và thắng cảnh Việt Nam

Gồm 8 bài được giảng dạy bao gồm lý thuyết, thảo luận và đi thực tế trong 30 tiết (2 tín chỉ), gồm: Dẫn nhập; Đặc điểm và vai trò của hệ thống di tích, danh thắng Việt Nam; Hệ biểu tượng trong hệ thống di tích danh thắng Việt Nam; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Bắc bộ; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Trung bộ; Một số di tích danh thắng tiêu biểu Nam bộ; Một số di tích danh thắng tiêu biểu của Đà Nẵng - Quảng Nam; Giải pháp bảo tồn và phát triển di tích danh thắng

42. Phong tục, tập quán và lễ hội Việt Nam

Môn học cung cấp cho sinh viên những vấn đề chung về phong tục, tín ngưỡng và lễ hội dân gian. Trên cơ sở đó, trình bày những kiến thức cơ bản nhất về sự hình thành và phát triển của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam, những dấu ấn về phong tục, tín ngưỡng, lễ hội qua các vùng miền của đất nước. Từ đó, rút ra những đặc điểm nổi bật của phong tục, tín ngưỡng và lễ hội Việt Nam.

43. Các dân tộc Việt Nam

Học phần giới thiệu những khái niệm cơ bản (Dân tộc học, Nhân học, Dân tộc, Tộc người, Quốc gia dân tộc...), những kiến thức cơ bản về đặc điểm của các tộc người (dân tộc) và các vùng tộc người ở Việt Nam; những kiến thức cơ bản và phương pháp nghiên cứu Dân tộc học về một tộc người; có khả năng vận dụng các kiến thức về các tộc người và vùng tộc người vào việc hướng dẫn du lịch, xây dựng các dự án phát triển du lịch ở các tộc người, vùng miền núi và dân tộc thiểu số; bước đầu làm quen với việc nghiên cứu các tộc người.

44. Du lịch văn hóa Việt Nam

Học phần trình bày một cách hệ thống những kiến thức cơ bản về văn hóa du lịch, du lịch văn hóa, mối liên hệ giữa văn hóa với du lịch. Môn học tập hợp những kiến thức liên ngành khoa học (văn hóa, lịch sử, địa lý, giao tiếp ứng xử...) - những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch - Ngoài ra còn góp phần phân tích thảo luận một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta.

45. Địa lý du lịch Việt Nam

Địa lý du lịch là môn học nhằm khái quát mối quan hệ giữa các đối tượng du lịch trên phạm vi lãnh thổ du lịch. Trang bị cho sinh viên kiến thức về địa lý du lịch, tài nguyên du lịch, thực trạng phát triển du lịch, hệ thống lãnh thổ du lịch. Trên cơ sở đó, vận dụng tìm hiểu tiềm năng du lịch, tuyến và điểm du lịch của các vùng du lịch ở Việt Nam.

46. Địa danh Việt Nam

Tìm hiểu về địa danh Việt Nam: Định nghĩa và phân loại địa danh; nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu địa danh; cấu tạo của địa danh VN; phân vùng địa danh VN; vấn đề biên soạn từ điển địa danh VN. Tổng quan về họ tên người Việt; họ; tên đệm; tên chính; các nhóm danh hiệu

47. Quản lý văn hóa

Học phần bao gồm những kiến thức về văn hóa, các khía cạnh của văn hóa và ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và các chiến lược quản trị đa văn hóa. Học phần cũng bao gồm những kiến thức về văn hóa tổ chức của doanh nghiệp và sự khác biệt trong văn hóa tổ chức ở các công ty đa quốc gia cũng như ở một số quốc gia trên thế giới, về ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động giao tiếp và đàm phán thương mại quốc tế, sự khác biệt về phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa.

48. Đặc điểm văn hóa ĐBSCL

Môn học cung cấp hai khối kiến thức cơ bản về các đặc trưng văn hóa tiêu biểu ở ĐBSCL như: văn hóa Chăm, văn hóa người Việt miền Tây Nam Bộ, trường hợp người con gái út, hát sắc bùa Phú Lễ - Bến Tre, vấn đề địa danh huyện Tịnh Biên-An Giang, Tín ngưỡng thờ bà Chúa Xứ ở Núi Sam – An Giang, cây dừa trong ca cổ, thơ ca, văn hóa mắm trong ẩm thực, đôi thi sĩ Hà Tiên, tinh cách người Nam Bộ (ĐBSCL), xuồng ba lá nét đặc trưng sông nước đồng bằng.

49. Di sản văn hóa và phát triển du lịch

Học phần nêu những vấn đề cơ bản liên quan đến di sản văn hóa. Di sản văn hóa nhìn từ góc độ du lịch. Việc quản lý, khai thác di sản văn hóa phục vụ ngành du lịch. Quy trình tổ chức và quản lý, khai thác di sản văn hóa đối với phát triển văn hóa, xã hội và du lịch.

50. Kỹ thuật nhiếp ảnh và quay video

Học phần Nhiếp ảnh - kỹ thuật quay phim được cấu trúc gồm có 5 chương (máy ảnh cơ, máy ảnh bán tự động, máy ảnh kỹ thuật số đến những yếu tố, dụng cụ, linh kiện phục vụ tốt cho ngành nhiếp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh, Kỹ thuật chụp ảnh ngoài trời và trong phòng, Kỹ thuật chụp ảnh thời sự báo chí phục vụ cho chuyên ngành; quay phim đúng kỹ thuật các cỡ cảnh theo đài truyền hình Việt Nam và Quốc tế, quay phim theo chương trình thời sự của đài truyền hình Việt Nam), gồm có 5 bài (thực hiện kỹ thuật chụp ảnh và sáng tạo trong từng bức ảnh cho ý muốn riêng mình, đồng thời quay phim đúng với kỹ thuật của đài truyền hình).

51. Kỹ thuật thuyết minh - thuyết trình

Môn học giới thiệu một số vấn đề cơ bản liên quan đến thuyết trình và kỹ năng thuyết trình. Ngoài ra, môn học còn cung cấp các kỹ năng thiết yếu để chuẩn bị và trình bày hiệu quả bài thuyết trình cũng như những kỹ năng ứng phó với câu hỏi và tình huống

phát sinh trong buổi thuyết trình

52. Kỹ năng truyền thông và sự kiện

Chiến lược truyền thông và sự kiện là nền tảng để xây dựng các kế hoạch và chương trình cho từng công cụ chiêu thị cụ thể, liên quan đến việc phân bổ các nguồn lực để đạt được các mục tiêu tiếp thị đã xác định. Các thành phần cốt lõi của chiến lược truyền thông marketing bao gồm: lựa chọn thị trường mục tiêu, xây dựng phối thức chiêu thị, lựa chọn phương tiện, hoạch định ngân sách sao cho phù hợp để đạt được các mục tiêu xác định. Thực hiện được kế hoạch truyền thông và sự kiện thành công đòi hỏi sự hiểu biết sâu sắc về thị trường mục tiêu, sự am hiểu về các thuộc tính trong mỗi thành phần của phối thức IMC, sự nhạy bén với môi trường mà công ty đang hoạt động.

53. Quan hệ công chúng

Ngày nay PR thực sự đã trở thành một nghề kinh doanh, đồng thời là một công cụ trọng yếu của Marketing. PR là môn học quan trọng của chương trình đào tạo chuyên sâu ngành Quản trị Marketing.

Học phần PR được tổ chức giảng dạy theo 8 nội dung: (1) Tổng quan về PR; (2) Nghiên cứu và đánh giá PR; (3) Lập kế hoạch PR; (4) Thực thi giao tiếp; (5) Quan hệ báo chí; (6) Sự kiện và tài trợ; (7) Quản trị khủng hoảng; (8) Hoạt động PR trong kinh doanh.

54. Báo chí và truyền thông đại chúng

Học phần Báo chí Truyền thông đại chúng (3 tín chỉ) là học phần bắt buộc nằm trong khối kiến thức chung theo khối ngành, thuộc ngành đào tạo Báo chí.

Học phần cung cấp những kiến thức lý luận cơ bản, hệ thống, khoa học và hiện đại về truyền thông và qui trình truyền thông; về lịch sử hình thành, phát triển, đặc điểm loại hình của các phương tiện truyền thông đại chúng.

Học phần cũng giới thiệu về báo chí như một hoạt động truyền thông đại chúng với vị trí, vai trò trong xã hội, những đặc thù của báo chí trong mối quan hệ với các hình thái ý thức xã hội khác. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cũng nắm được vấn đề bản chất của hoạt động báo chí cũng như có được hình dung tổng quan về sự hình thành và xu hướng phát triển của báo chí Việt Nam hiện nay.

Ngoài cung cấp kiến thức lý luận, học phần cũng liên hệ chặt chẽ với thực tiễn báo chí truyền thông trong và ngoài nước để làm sáng tỏ thêm những vấn đề lý luận; đồng thời vận dụng lý luận để lý giải cho hoạt động thực tiễn.

55. Tổ chức sự kiện VNI

Học phần này giúp người học hiểu rõ khái niệm, nhận dạng được môn tổ chức sự kiện, nội dung tổ chức sự kiện, Qua đó nhận thức được ý nghĩa xã hội của hoạt động tổ chức sự kiện. Cung cấp cho người học khả năng hoạch định như Nắm được các phương pháp cơ bản trong dự toán ngân sách, sáng tạo kịch bản, xây dựng kế hoạch của quá trình

hoạt động sự kiện từ công việc chuẩn bị tới các 2 hoạt động sự kiện, tính toán thời gian cho sự kiện. Khả năng tổ chức – quản trị trong hoạt động chuẩn bị và thực hiện sự kiện.

56. Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Học phần nghiệp vụ hướng dẫn du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan nghiệp vụ hướng dẫn du lịch, (2) Nghiệp vụ hướng dẫn, (3) Biên tập tư liệu và thuyết minh hướng dẫn, (4) Hoạt náo trong hướng dẫn nhằm hướng đến đảm bảo chương trình tour và chất lượng dịch vụ theo cam kết.

57. Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch

Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp,

Sau khi Thực hành nghiệp vụ hướng dẫn du lịch này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch.

58. Nghiệp vụ nhà hàng khách sạn

Học phần Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn trang bị cho sinh viên ngành du lịch hiểu rõ về yêu cầu của nghề nhà hàng, khách sạn và các tiêu chuẩn, tiêu trí và yêu cầu của một nhân viên trong ngành phục vụ. Đặc biệt, trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về tổ chức, đón tiếp và phục vụ khách tại khách sạn, nhà hàng, quầy bar đáp ứng các yêu cầu về chất lượng, an toàn, an ninh, chu đáo và lịch sự. Rèn luyện kỹ năng, nghiệp vụ chăm sóc và phục vụ khách hàng, khả năng nắm bắt tâm lý khách hàng trong quá trình phục vụ. Thiết lập được các quy trình thực hiện công việc trong các lĩnh vực: tiếp tân, phục vụ buồng, phục vụ bàn, bar hợp lý khoa học và đúng tiêu chuẩn qui định.

59. Nghiệp vụ truyền thông

Bao gồm các kiến thức trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện: các kiểu dữ liệu, các mô hình triển khai hệ thống đa phương tiện và khả năng ứng dụng của lĩnh vực này.

60. Nghiệp vụ văn phòng VNH

Môn học cung cấp kiến thức tổng quát về quản trị hành chính văn phòng, giúp sinh viên có thể thực hiện một số nghiệp vụ văn phòng cơ bản như xây dựng chương trình, kế hoạch và lịch làm việc, tổ chức hội họp, tổ chức các chuyến đi công tác, soạn thảo, ban hành và quản lý văn bản, nghiệp vụ văn thư lưu trữ, giao tiếp hành chính và tổ chức nơi làm việc.

61. Niên luận VNH

Học phần niên luận được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan dự án kinh doanh, (2) Đánh giá khả thi thị trường của dự án, (3) Đánh giá

khả thi kỹ thuật của dự án, (4) Đánh giá khả thi tài chính của dự án và (5) Tổ chức vận hành doanh nghiệp để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về thiết kế và thực hiện dự án kinh doanh trong lĩnh vực du lịch.

62. Thực tế VN

Thực tế giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trên lớp,

Sau khi thực tế này, những người tham gia sẽ tự tin và có khả năng tốt hơn trong: Rèn cho khả năng nắm bắt các thông tin dịch vụ du lịch tại các địa phương, cách phân bổ và bố trí hợp lý cung đường, tuyến điểm, địa điểm tham quan, hoàn thiện các kỹ năng trong nghiệp vụ du lịch..

63. Thực tập tốt nghiệp VN

Thực tập tốt nghiệp là hoạt động học tập bắt buộc được thực hiện trên thực tế tại đơn vị thực tập (nếu có) do sinh viên tự lựa chọn trong học kỳ cuối khóa.

Thực tập tốt nghiệp giúp sinh viên có cơ hội tiếp cận nhiều hơn với môi trường thực tế cũng như đối chiếu giữa lý thuyết và thực tiễn để từ đó nhận diện và có phân tích những vấn đề đang diễn ra trong thực tế đời sống kinh tế xã hội với những kiến thức chuyên ngành được trang bị trong trường đại học. Cụ thể hơn, đó là những vấn đề hay những cơ hội đơn vị thực tập đang đối diện. Dưới sự hướng dẫn của giảng viên và người phụ trách từ đơn vị thực tập, sinh viên sẽ phải làm việc tại một doanh nghiệp hay tổ chức có liên quan. Công việc này áp dụng những gì bạn đã học trong chương trình học tập tại trường vào hoạt động tại đơn vị thực tập.

64. Tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam

Học phần gồm các nội dung về đặc điểm chung của tín ngưỡng và tôn giáo ở Việt Nam; giới thiệu một số tín ngưỡng và tôn giáo tiêu biểu; nêu một số vai trò và chức năng của tôn giáo, tín ngưỡng đối với con người và xã hội; và làm rõ ứng xử của Nhà nước đối với tín ngưỡng, tôn giáo thông qua hệ thống chính sách và pháp luật.

65. Gia đình, dòng họ, làng xã Việt Nam

Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về bản sắc dân tộc Việt Nam bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa được vun đắp qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước - đó là lòng yêu nước, ý thức dân tộc, lòng nhân ái, trọng nghĩa, cần cù sáng tạo... Những giá trị truyền thống đó được kế thừa qua các thế hệ, làm nên bản sắc riêng của văn hóa Việt Nam mà trong đó không thể phủ nhận văn hóa gia đình, dòng họ, làng xã qua các thời kỳ lịch sử.

66. Du lịch cộng đồng Việt Nam

Học phần du lịch công nghiên cứu những kiến thức cơ bản về du lịch cộng đồng

như khái niệm DLCD, các hình thức, nguyên tắc hoạt động và những tác động của phát triển DLCD đến kinh tế, xã hội và môi trường. Đặc biệt học phần giúp cho sinh viên rèn luyện kỹ năng tổ chức quy trình phát triển mô hình DLCD. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên nghiên cứu những bài học kinh nghiệm thực tiễn phát triển DLCD tại một số quốc gia trên thế giới.

67. Du lịch sinh thái Việt Nam

Môn học truyền đạt cho sinh viên các khái niệm về du lịch sinh thái (DLST), tài nguyên DLST. Các loại hình du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng quy hoạch, quản lý các hoạt động du lịch sinh thái trên phương diện kỹ thuật, kinh tế-xã hội và môi trường. Kỹ năng làm việc tại các công ty du lịch sinh thái các khu bảo tồn, Vườn quốc gia,....

68. Tuyển điểm du lịch

Học phần nghiệp vụ hướng viên du lịch được tổ chức giảng dạy tập trung vào các nội dung trọng tâm: (1) Tổng quan về tuyển điểm du lịch, (2) Tuyển điểm vùng Bắc Bộ, (3) Tuyển điểm vùng Bắc Trung Bộ, (4) Tuyển điểm vùng Nam Trung Bộ và (5) Tuyển điểm vùng Nam Bộ để sinh viên được trang bị kiến thức tổng quan về tuyển điểm nhằm phục vụ thiết kế sản phẩm du lịch và giải quyết các vấn đề liên quan khai thác tour.

69. Thiết kế và điều hành chương trình du lịch

Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản về tổ chức và hoạt động của công ty du lịch, những kiến thức và kỹ năng về thiết kế và tổ chức tour du lịch, phương pháp định giá tour, hoạt động marketing và bán tour du lịch, công tác tổ chức thực hiện và những công việc của một nhân viên điều hành tour.

70. Khóa luận tốt nghiệp VNH

Khóa luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu từ các học phần thuộc Chương trình đào tạo để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với sự hiểu biết về phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn đề nghiên cứu phù hợp, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học và thực hiện chia sẻ kết quả nghiên cứu tại các buổi sinh hoạt học thuật và bảo vệ trước hội đồng đánh giá

71. Tiểu luận tốt nghiệp

Tiểu luận tốt nghiệp là một công trình khoa học quan trọng của sinh viên, nhằm đánh giá khả năng vận dụng tổng hợp những kiến thức chuyên môn đã tiếp thu để giải quyết những yêu cầu về ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn các hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị đặt ra. Kết hợp với các kiến thức đã được trang bị thông qua học phần Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh, người học được yêu cầu tự chọn cho bản thân một vấn

đề nghiên cứu phù hợp với chuyên môn của ngành đào tạo, xây dựng và thực hiện quy trình nghiên cứu, trình bày kết quả nghiên cứu dưới dạng một báo cáo khoa học.

72. Doanh nhân Đất Việt

Học phần này cung cấp cho sinh viên những bài học kiến thức về những vị doanh nhân nổi tiếng của nước Việt Nam qua từng thời kỳ. Ngoài ra còn giúp sinh viên rút ra các bài học và nhận thức được tầm quan trọng của bản thân mình.

73. Lịch sử ngoại giao Việt Nam

Học phần cung cấp cho sinh viên những bài học của cha ông ta về chính sách bang giao với các nước láng giềng và phương thức tiến hành các mối bang giao đó, xuất phát từ các nhiệm vụ giành và giữ độc lập dân tộc, gây dựng hòa hiếu, chống xâm lược, mở mang và xây dựng đất nước cường thịnh; tổng kết những kinh nghiệm của cha ông trong việc kết hợp đấu tranh ngoại giao với các hình thức đấu tranh khác như: chính trị, quân sự và kinh tế để bảo vệ quyền lợi tối cao của dân tộc; truyền thống ngoại giao hòa hiếu của ông cha ta, tạo nên một trong những cơ sở của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tinh thần yêu nước và tự hào dân tộc của sinh viên sẽ được nâng cao, góp phần tự tin trong quan hệ xã hội của sinh viên, đặc biệt là hoạt động đối ngoại. Những kiến thức đã học sẽ giúp ích cho những sinh viên làm việc ở các cơ quan đối ngoại của Đảng và Nhà nước, hoặc các trường đại học, viện nghiên cứu...

74. Văn hóa ẩm thực Việt Nam

Học phần sẽ cung cấp các kiến thức khái quát về những yếu tố ảnh hưởng đến ẩm thực Việt Nam: Đại cương về ẩm thực học; Những yếu tố địa lý, lịch sử, văn hóa ảnh hưởng đến ẩm thực Việt Nam; Các chặng đường phát triển của ẩm thực Việt Nam. Những đặc trưng độc đáo của văn hóa ẩm thực Việt Nam; Bản sắc Việt Nam trong nghệ thuật ẩm thực; Những nét đặc trưng của văn hóa ẩm thực Việt Nam; Cơ sở khoa học trong ẩm thực của người Việt. Những món ăn thức uống của Việt Nam.

75. Văn hóa biển đảo Việt Nam

Môn học này nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức về du lịch biển đảo của Việt Nam, để sinh viên có thể hiểu hơn về tình hình phát triển du lịch ở vùng biển đảo. Sau khi học xong học phần này, sinh viên phải nắm được những kiến thức về nền tài nguyên biển đảo, nguồn lực phát triển du lịch biển đảo và các vấn đề liên quan đến bảo vệ chủ quyền biển đảo của nước ta để vận dụng vào chuyên ngành mình được học

11. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình chi tiết đào tạo Cử nhân Việt Nam học hệ chính quy gồm 150 TC (kể cả Giáo dục quốc phòng – An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó có 45 TC giáo dục đại cương, 34 TC cơ sở khối ngành, 71 TC kiến thức ngành và tốt nghiệp, việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo thực hiện.

+ **Phần nội dung chương trình bắt buộc:** Trường Đại học Tây Đô chỉ đạo phải tổ chức thực hiện giảng dạy đủ khối lượng đã quy định.

+ **Phần nội dung chương trình tự chọn:** tùy theo số đông sinh viên lựa chọn chủ đề của phần tự chọn để học đủ số lượng theo quy định, học thêm 4 TC và làm tiểu luận nếu sinh viên không làm khóa luận tốt nghiệp.

+ **Kế hoạch sắp xếp nội dung và quỹ thời gian:** Khoa Ngữ Văn sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các học phần của các học kỳ và phải bảo đảm tính logic và tính hệ thống của chương trình đào tạo theo trình tự để sinh viên học các học phần thuộc kiến thức giáo dục đại cương trước khi học các môn chuyên ngành. Phòng Đào tạo và Khoa Ngữ Văn sẽ sắp xếp chương trình và triển khai thực hiện theo chương trình chi tiết đã được duyệt.

12. PHÊ DUYỆT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Bản mô tả chương trình này đã được kiểm tra, phê duyệt và ban hành theo đúng quy trình, quy định của Trường Đại học Tây Đô./.

HIỆU TRƯỞNG

P. PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA



Phú Nguyễn Hải